

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Nhu

2. Bà Bùi Tuấn Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H – sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường V, thôn T, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường V, thôn T, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Năm 2001, ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2021 đến nay, vợ chồng ông không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung là Nguyễn Bảo H – sinh ngày 04/4/2002 và Nguyễn Bảo Kh – sinh ngày 30/9/2005. Hiện nay, các con đang ở với tôi, do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu H đã thành niên và khỏe mạnh nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết. Ông có nguyện vọng được trực

tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kh cho đến khi trưởng thành. Ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn không đến Tòa để làm việc và không cung cấp ý kiến về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, chấp nhận cho ông H được ly hôn bà L. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo Kh – sinh ngày 30/9/2005 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Về án phí, ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn”, bị đơn bà Nguyễn Thị L có địa chỉ cư trú tại Đường V, thôn T, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai mà không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2001, quyển số 01 ngày 04/9/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị L vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông không còn tình cảm với bà L, hai người đã ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bị đơn bà L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, điều này chứng tỏ bà L có thái độ bỏ mặc, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà L không còn, mâu thuẫn giữa hai bên đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ông H được ly hôn bà L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông H xác định ông và bà L có 02 con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 04/4/2002 và Nguyễn Bảo Kh, sinh ngày 30/9/2005. Bà L không có lời khai về con chung. Căn cứ các Bản sao Giấy khai sinh số 35/2002 và số 86/2005 do UBND xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp lần lượt ngày 10/4/2002 và ngày 03/10/2005, có cơ sở xác định cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 04/4/2002 và Nguyễn Bảo Kh, sinh ngày 30/9/2005 là con chung của ông H và bà L.

Sau khi ly hôn, ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kh cho đến khi trưởng thành. Ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Cháu H đã thành niên và khỏe mạnh nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Xét thấy, hiện nay, cháu H đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét vấn đề nuôi dưỡng. Cháu Kh hiện đang sinh sống cùng với ông H. Sau khi ly hôn, ông H có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh, phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Bảo Kh cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L.

Sau khi ly hôn, bà L có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết, ông H, bà L có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và xác định vợ chồng ông không có nợ chung. Bà L không có lời khai về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu các bên có tranh chấp về chia tài sản chung thì khởi kiện thành vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

[3] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H.
 - Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng H được ly hôn bà Nguyễn Thị L.
 - Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo Kh, sinh ngày 30/9/2005 cho ông Nguyễn Trọng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị L do ông H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bà L có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom, giáo dục con

chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết, ông H, bà L có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trọng H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007778 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã L, huyện D (nơi đăng ký kết hôn, Giấy CNKH số 26/2001, quyền số 01 ngày 04/9/2001);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Mai